

## TÍNH CỘNG ĐỒNG VÀ SỰ BIỆT LẬP TRONG SINH HOẠT TÔN GIÁO CỦA CÁC LÀNG KHẨN HOANG Ở TIỀN HẢI THẾ KỶ XIX

PHẠM THỊ NẾT

**T**hần đề tôn giáo, tín ngưỡng của các làng khẩn hoang ven biển ở Tiền Hải (Thái Bình) và Kim Sơn (Ninh Bình) thế kỷ XIX đã được một số tác giả đề cập tới trong các bài hay chương viết về các huyện này(1). Đặc biệt, có bài mang tính chuyên đề, như bài “Vài nét về tình hình văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng ở các làng khai hoang Tiền Hải, Kim Sơn nửa đầu thế kỷ XIX” của Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Bùi Quý Lộ (2). Qua đó, các hình thức sinh hoạt văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng ở Tiền Hải và Kim Sơn nửa đầu thế kỷ XIX đã được nêu lên khá cụ thể.

Trong bài viết này, bằng tư liệu điền dã, chúng tôi chỉ tập trung tìm hiểu về tính cộng đồng và sự biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo của các làng và giữa các làng xã với nhau ở Tiền Hải thế kỉ XIX. Thông qua việc tìm hiểu nguyên nhân dẫn tới sự cộng đồng và sự biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo của các làng, chúng ta có thêm cơ sở nhận biết bản chất sâu kín của các mối quan hệ trong làng và giữa các làng với nhau. Từ đó, hiểu rõ hơn về sự hình thành và phát triển của các làng xã Tiền Hải thế kỉ XIX, gợi ra một số hướng cải thiện và xây dựng quan hệ giữa các họ tộc trong làng và trong khu vực, hạn chế những tranh chấp, giành giật ngôi vị tiên hiền giữa các họ tộc trong một số xã, góp phần vào việc xây dựng lối sống văn hoá trong nông thôn hiện nay.

Tính cộng đồng và sự biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo của các làng khẩn hoang ở Tiền Hải thế kỉ XIX được chúng tôi tìm hiểu, thông qua những khía cạnh như: đối tượng thờ cúng, lễ tiết, lễ nghi, lễ vật, địa điểm thờ cúng và cứ liệu trình bày theo khu vực để làm sáng rõ cho việc nhận xét và phân tích.

### 1. Một số tư liệu

#### 1.1. Quan hệ tôn giáo giữa các làng ở tổng Tân Định

Tháng 9 năm 1828, huyện Tiền Hải được thành lập, gồm 7 tổng với 18970 mẫu ruộng, 2350 suất đinh (3). Mỗi tổng của Tiền Hải có từ 6 đến 8 đơn vị lý, ấp, trại, giáp (tương đương cấp xã).

Theo qui định của nhà Nguyễn, lý ở Tiền Hải gồm: 50 đinh, 600 mẫu ruộng đất; *ấp*: 30 đinh, 400 mẫu; *trại*: 15 đinh, 200 mẫu; *giáp*: 10 đinh trở lên, 120 mẫu. Lý, ấp được đặt ở nơi đất rộng; trại, giáp được đặt ở nơi đất hẹp hoặc nằm rải rác.

Tân Định là một tổng lớn, nằm ở sát huyện lỵ, giáp với các làng xã của tổng Đại Hoàng (huyện Chân Định, phủ Kiến Xương). Tổng Tân Định có 1 lý, 4 ấp, 1 trại. (Lý Ngoại Hoàng nay là xã Tây Sơn; các ấp: Vĩnh Ninh, Lạc Thành, Đại Hữu nay là xã Tây Ninh; ấp Phú Nhuận và trại Ốc Nhuận nay thuộc xã Đông Quý của huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình).

*Về nguồn gốc dân cư*: Khác với những tổng nằm ở sát biển, cư dân của tổng Tân Định phân đông đều là dân của tổng Đại Hoàng chuyên ra, theo lệ “anh cựu, em tân” - nghĩa là anh ở lại đất cũ, em ra vùng đất mới. Ví dụ: Dân ở ấp Vĩnh Ninh, ấp Lạc Thành hầu hết là người gốc làng An Khang (thuộc xã Tân An, huyện Tiền Hải hiện nay); dân ở ấp Phú Nhuận chủ yếu là người gốc làng Lương Phú (xã Tây Lương, huyện Tiền Hải hiện nay); dân ở lý Ngoại Hoàng là từ làng Cao La chuyển sang... Riêng dân ở trại Ốc Nhuận, phần đông là người gốc làng Đường Thâm (Đông Xâm), tổng Đường Thâm, huyện Chân Định.

Tổng Tân Định, nằm ở gần nguồn nước ngọt (cạnh sông Trà Lý và sông Long Hậu), đất đai ít bị nhiễm mặn, nên có khả năng cày cấy 2 vụ và phát triển một số nghề phụ, trong đó có nghề trồng dâu, nuôi tằm, đan cối.

Lý Ngoại Hoàng là nơi Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ chọn làm địa điểm “cắm sớ Doanh điền” để chỉ đạo cuộc khẩn hoang. Vì vậy, các thiết chế tôn giáo được xây dựng ở đây từ rất sớm. Theo ghi chép trong “Đình vũ bia ký” (dựng năm Tự Đức thứ 14 - 1861), đặt tại đình Tiểu Hoàng xã Tây Sơn, huyện Tiên Hải hiện nay, thì ở lý Ngoại Hoàng, liên tiếp các năm: Minh Mệnh 12 (1831) lập từ, năm Minh Mệnh 16 (1835) lập đình thờ Nguyễn Công Trứ và hơn 50 vị nguyên mộ (những người trực tiếp chiêu mộ dân và tổ chức khẩn hoang lập lý, ấp, trại, giáp ở Tiên Hải năm 1828). Đó chính là những nơi thờ cúng chung của tổng Tân Định. Tuy nhiên, khi đã là một đơn vị hành chính độc lập thì các lý, ấp, trại, giáp ở Tiên Hải nói chung và ở tổng Tân Định nói riêng đều lần lượt xây đình, chùa, đền, miếu riêng. Thân được thờ cúng, lễ tiết và lễ nghi được thực hiện ở mỗi đình vừa mang những điểm chung vừa có sự biệt lập.

Những điểm chung có thể thấy qua việc tạo thành một lệ chung: Khi dựng đình, dân tìm về quê gốc của nguyên mộ, rước chân hương thành hoàng làng nguyên mộ về thờ. Như: Dân trại Ốc Nhuận rước chân nhang thành hoàng làng Đông Xâm là Triệu Đà về thờ. Quê gốc của các vị nguyên mộ của ấp Đại Hữu, ấp Lạc Thành là làng Đại Hoàng thì thành hoàng quê mới là Tứ vị hồng nương và Đại Càn quốc gia Nam Hải; Thành hoàng của lý Ngoại Hoàng là Đông Hải đại vương... Khi nguyên mộ qua đời họ đều được thờ ở đình, ngày kỵ của nguyên mộ được coi là ngày hội chính của làng.

Sự biệt lập thể hiện ở chỗ, ngoài đức thành hoàng chính được rước từ làng gốc của nguyên mộ về thờ, các làng còn thờ riêng hoặc phối tự một số thần khác. Ở ấp Lạc Thành có nhà thờ cộng đồng thờ tất cả những người đã khai hoang lập ấp ngày đầu, gồm hơn 30 vị.

Ở lý Ngoại Hoàng (sau đổi thành Ngoại Đê) thấy phối tự các vị sau:

- Anh đoàn quả nghị dung thụ đại vương (sắc phong thân, niên hiệu Khải Định thứ 9 - 1924); Nam Hải đại vương (Ngọc phả ở đình Ngoại Đê); Đoàn Thượng thượng đẳng thân (sắc phong thân ngày 25 tháng 7 niên hiệu Khải Định thứ 9 - 1924). Tạo thần riêng và tổ chức các hoạt động thờ cúng khác nhau là nét nổi bật trong sinh hoạt tôn giáo của các làng ở tổng Tân Định.

Dưới đây là những hoạt động thờ cúng chính trong năm ở từng đơn vị thuộc tổng Tân Định (xem bảng 1 trang sau):

Như vậy, có 4/6 đơn vị có ngày tế Thành hoàng trùng nhau (ngày mùng 10 tháng 3) là vì 4 nơi đó đều rước Thành hoàng quê gốc nguyên mộ là “Đại càn quốc gia Nam Hải” và “Tứ vị Hồng nương” về thờ, tuy vậy, mức “tế điền” và cách thức tổ chức có nhiều điểm khác nhau.

Xu hướng biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo giữa các làng còn được thể hiện qua việc chọn ngày “chính kỵ” khác với “làng bên” hoặc xây thêm các địa điểm thờ cúng như đền, miếu v.v.... Ví dụ, lý Ngoại Hoàng tổ chức giỗ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ vào ngày 14 tháng 11, nhưng ở ấp Đại Hữu lại tổ chức vào ngày 13 (trước 1 ngày). Ngoài địa điểm thờ cúng chính là đình, ở lý Ngoại Hoàng còn xây Lăng thờ Nguyễn Công Trứ và đền Mẫu (Đền Mẫu có niên đại Tự Đức thứ 31 - 1861). Ở ấp Đại Hữu, cả 3 xóm đều xây miếu thờ bản cảnh Thành hoàng nhưng vị hiệu khác nhau: xóm trên thờ “Bản thổ Thành hoàng”, xóm giữa thờ “Đương cảnh Thành hoàng”, xóm dưới thờ “Quách nghi tôn thân bản cảnh Thành hoàng”.

ST T	Tháng (A.L.) Tên đơn vị	1	2	3	5	7	8	11
1	ấp Lạc Thành			Té thành hoàng [10] Té điện: 1 mẫu		Giỗ nguyên mộ Tô Quang Thực [3] Kỵ điện: 5 sào	Té Thu [10] Té điện: 3,5 mẫu	Ngày DBS Nguyễn Công Trứ [13] Kỵ điện: 2 mẫu
2	ấp Đại Hữu		Ngày mồng 6 giỗ nguyên mộ Tô Cán Kỵ điện: 2 mẫu	Té thành hoàng [10] Té điện: 3,5 mẫu			Té Thu [8] Té điện: 1 mẫu	
3	ấp Vĩnh Ninh	Té Xuân [18] Té điện: 2 mẫu	Ngày 15 giỗ nguyên mộ Tô Đình Bao Kỵ điện: 2 mẫu	Té thành hoàng [10] Té điện: 1 mẫu			Té Thu [10] Té điện: 2 mẫu	
4	trại Ốc Nhuận	Giỗ nguyên mộ Nguyễn Vy [9] Kỵ điện: 2 sào				Chính kỵ thành hoàng [15] Té điện: 1 mẫu		
5	ấp Phú Nhuận (sau đổi Hải Nhuận)	Té Xuân [18] Té điện: 1 mẫu		Té Thành hoàng [10] Té điện: 1 mẫu			Giỗ nguyên mộ Vũ Đức Tú và các cụ tổ các dòng họ [1] Kỵ điện: 5 sào	
6	lý Ngoại Hoàng		Ngày mồng 10 kỵ nguyên mộ Vũ Ngọc Lân Kỵ điện: 1 mẫu		Kỷ niệm ngày sinh Đức Nam Hải đại vương [10]		Kỵ Đức Nam Hải đại vương [6] Té điện: 1 mẫu	Ngày kỵ DBS Nguyễn Công Trứ [14] Kỵ điện: 1 mẫu

\* Những chữ số trong bảng là những ngày cầu cúng

\* Té điện: Ruộng dành riêng cho việc tế lễ chung

\* Kỵ điện: Ruộng làng dành để tổ chức giỗ các nguyên mộ và Doanh điền sử  
Tuỳ điều kiện cụ thể của mỗi làng mà mức “tế điện” và “kỵ điện” có khác nhau.

### 1.2. Quan hệ tôn giáo giữa các làng ở tổng Tân Thành

Tổng Tân Thành nằm ở phía đông sông Long Hậu, giáp biển, phía nam giáp tổng Tân Phong, phía bắc giáp tổng Tân Hưng. Khi thành lập (năm 1828) Tân Thành có 5 ấp, 3 giáp: Ấp Mỹ Đức, Chỉ Trung nay thuộc xã Đông Trung; Ấp Phong Lai, Vũ Xá, Lạc Thiện, nay thuộc xã Đông Phong, huyện Tiên Hải; Ba giáp: Đông Lạc, Thư Lạc, Phúc Lạc sau hợp lại thành ấp Phong Lạc, nay thuộc xã Đông Trung huyện Tiên Hải.

Đến cuối thế kỷ XIX, dân số tăng, một số ấp đã tiến hành khẩn hoang lập thêm trại mới ở phía đông sông Cá sát biển. Ấp Phong Lạc có trại Tân Lạc, ấp Mỹ Đức có trại Mỹ Đức, ấp Chỉ Trung có trại Chỉ Trung (về sau gọi là Mỹ Đức đông, Mỹ Đức tây, Chỉ Trung đông, Chỉ Trung tây, lấy con sông Cá (sông Ngư Dững) làm ranh giới).

Khác với những làng ở phía Tây của huyện, những làng ở phía Đông đất đai bị nhiễm mặn nặng. Vì vậy, công việc đắp đê, đào sông, thau chua cải tạo ruộng đồng đã được đặt ra cấp thiết, nặng nề.

Về dân cư: Dân cư của tổng Tân Thành phần nhiều là từ nơi xa chuyển đến, nhiều nguyên mộ quê gốc ở các tổng Bồng Điền, Nội Lãng (huyện Thư Trì), tổng Lạc Đạo (huyện Vũ Tiên, phủ Kiến Xương), tổng Trà Lũ, huyện Giao Thủy (phủ Xuân Trường) v.v...

Về sinh hoạt tôn giáo: sau khi ấp, trại ổn định, dân trong tổng lần lượt dựng đình, chùa, miếu. Thân được thờ cúng, lễ tiết, lễ nghi được thực hiện ở mỗi đình có nhiều điểm không giống nhau.

\* Ấp Vũ Xá: Thân được thờ ở đình Vũ Xá, gồm: Tử Thành hoàng chi thân (theo sắc phong ngày 23 tháng 10, năm Tự Đức thứ 6-1853); Đoan nghi tôn thân bản cảnh Thành hoàng (theo sắc phong ngày 24 tháng 11 năm Tự Đức 33-1870).

Phối tự: Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ; Nguyên mộ: Ngô Văn Đức.

Các lễ tiết chính trong năm:

Tháng 3: Kỵ nguyên mộ và các tiên công lập ấp vào ngày mùng 3; “kỵ điền”: 1 mẫu.

Tháng 5: “chính kỵ” Thành hoàng, ngày mùng 3; “tế điền”: 5 sào.

Tháng 11: Kỵ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, ngày 14, “kỵ điền”: 1 mẫu.

\* Ấp Phong Lạc (do 3 giáp: Thư Lạc, Đông Lạc, Phúc Lạc hợp lại) có địa điểm thờ cúng chung là Đình Phong Lạc. Thân được thờ ở Đình Phong Lạc là Đại Càn quốc gia Nam Hải. Phối tự: Tiền sứ Doanh điền Nguyễn Tường công (Nguyễn Công Trứ), Hậu sứ Doanh điền Doãn tướng công (Doãn Khuê) và các nguyên mộ “Diệp Xuân Bách (giáp Phúc Lạc), Doãn Hanh (giáp Thư Lạc), Lê Công Tuỳ (giáp Đông Lạc).

Các lễ tiết chính trong năm được ghi lại trong tám bia “Bản xã tiên công huân lao bi ký”:

- Ngày 11 tháng 3, “chính kỵ” Thành hoàng; ngày 21, tháng 4, “Kỵ” nguyên mộ giáp Phúc Lạc; Ngày 12, tháng 8, kỷ niệm ngày sinh “Đức Thành hoàng”; ngày 22, tháng 9, “kỵ” nguyên mộ giáp Đông Lạc; ngày 17 tháng 10, “kỵ” nguyên mộ giáp Thư Lạc (4).

Cuối thế kỷ XIX, dân Phong Lạc đã tiến hành một cuộc khẩn hoang ở bãi bồi sông Cá và lập nên trại Tân Lạc. Người đứng ra tổ chức cuộc khẩn hoang này là Đặng Ninh (con trai út của vị hương trưởng ấp Phong Lạc -Đặng Điều).

Khi dân số tăng (42 hộ), Tân Lạc đã xin tách khỏi ấp Phong Lạc để đứng độc lập (biệt triện), lấy sông Cá làm ranh giới, dựng đình, xây miếu riêng. Thần được thờ ở đình Tân Lạc là Đại Càn Quốc Gia Nam Hải - vị thần ở quê cũ (ấp Phong Lạc). Tuy nhiên, sự khác biệt trong sinh hoạt tôn giáo của Tân Lạc so với Phong Lạc ở chỗ: Dân Tân Lạc còn phụng sự “Trần triều hiển thánh Hưng Đạo Đại Vương chi thân” (sắc Khải Định năm thứ 9 - 1924 ngày 25 tháng 7), và phối tự nguyên mộ Đặng Ninh ở đình. Miếu Tân Lạc thờ Đông Hải Đại Vương Tam Sơn đại thần và vị có công trong việc “chạy biệt triện” cho Tân Lạc - đó là Đặng Thịnh, anh ruột của nguyên mộ Đặng Ninh.

Về lễ tiết chính trong năm: Ngoài 2 lễ tiết trùng với quê cũ (Phong Lạc) là ngày 12 tháng 8 (ngày sinh Đức Thành hoàng) và ngày 11 tháng 3 (ngày chính kỵ Thành Hoàng), Tân Lạc còn có các lễ tiết sau:

Ngày 12 tháng 3, lễ mầu; ngày mồng 7 tháng 8: Kỵ tiên hiền Đặng Thịnh; ngày 20 tháng 8: ngày kỷ niệm Đức Thánh Trần; ngày mồng 9 tháng 9: kỵ nguyên mộ Đặng Ninh. Trong ngày lễ mầu (12 tháng 3) có tục đốt tàu (tàu được đan bằng tre, nứa) gọi là “lễ tiến tàu”, nhằm cầu mong sóng yên, biển lặng, dân làng mạnh khỏe, bình an.

Ở các ấp Mỹ Đức, Chỉ Trung, sau khi chia tách, lập trại mới cũng thấy có sự biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo như ở Tân Lạc. Riêng Lạc Thiện còn phân chia thành “giáp lương” và “giáp giáo”. “Giáp giáo” xây nhà thờ và lễ tiết khác với “giáp lương”.

### 1.3. Quan hệ tôn giáo giữa những làng của tổng Tân Cơ

Tân Cơ cũng là một trong những tổng lớn của huyện Tiên Hải, nằm ở phía nam sông Lân, sát với các làng thuộc tổng Hà Cát, huyện Giao Thủy, phủ Xuân Trường. Khi thành lập huyện (năm 1828), Tân Cơ có 8 đơn vị: 1 lý, 5 ấp, 2 giáp: Lý Thủ Chính và các ấp: Năng Tĩnh, Hữu Vi nay thuộc xã Nam Chính, huyện Tiên Hải; ấp Dưỡng Chân, nay thuộc xã Nam Thắng. Hai ấp Hướng Tân và Đông Quách, nay thuộc xã Nam Hà, huyện Tiên Hải; hai giáp: Tức Tranh (sau đổi thành Sơn Tĩnh) và Trung Lập nay thuộc xã Bình Định, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

Về nguồn gốc cư dân: Cư dân chủ yếu là từ các làng xã của tổng Hà Cát nằm sát đó như: Man Đông, Man Tứ, Man Thục, Man Trung, Đông Hào, Trung Đông chuyển ra.

Tính cộng đồng trong sinh hoạt tôn giáo của các lý, ấp, trại, giáp ở tổng Tân Cơ được thể hiện qua việc cùng thờ cúng vị thần Đại Càn Quốc Nam Hải trong tất cả các đình, ngoài ra dân tổng cũng có địa điểm thờ cúng chung là Lãng thờ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ đặt tại ấp Năng Tĩnh. Hàng năm, vào ngày “kỵ” Nguyễn Tường công (14-11 â.l) dân trong tổng tổ chức tế lễ rất linh đình.

Theo chúng tôi, cội nguồn xã hội sâu xa của việc thờ cúng chung này là sự liên kết để đắp đê, khai phá đất hoang, lập làng. Mặt khác, nó cũng bắt nguồn từ ý thức cộng đồng về một “xứ Mèn” chung. Hai anh em họ Đào ở Man Đông; anh, Đào Đình Chiêu làm nguyên mộ, Lý trưởng lý Thủ Chính, em, Đào Đình Tiến, làm nguyên mộ; Lý trưởng ấp Năng Tĩnh. Nguyên mộ, Lý trưởng ấp Dưỡng Chân: Phạm Văn Thanh cũng người xã Man Đông. Trương Văn Từ, người làng Đông Hào, nguyên mộ ấp Đông Quách, giáp Tức Tranh, giáp Trung Lập v.v... Điều này cho

thấy người “xứ Mèn” đã cùng nhau đi khẩn hoang, mở rộng đất đai. Tuy nhiên, khi mỗi lý, ấp, trại, giáp có địa vực riêng thì cũng có những địa điểm thờ cúng và lễ tiết riêng.

Đình lý Thủ chính được xây dựng từ năm Minh Mệnh 14 (1833) thờ Bản cảnh Thành hoàng, “chính kỵ” Thành hoàng vào ngày ngày 20 tháng 12. Trong đình hiện còn các sắc phong, niên hiệu Tự Đức thứ 6 (1853), Tự Đức thứ 31 (1878), Đồng Khánh thứ 3 (1888), Duy Tân thứ 3 (1909) và Khải Định thứ 3 (1918). Ngoài việc xây đình, lý Thủ Chính còn xây đền thờ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ cũng nguyên mộ Đào Đức Chiêu và các thứ mộ: Đỗ Tất Tú, Trần Đức Quân (người công giáo). Ngày giỗ nguyên mộ (ngày 4 tháng 6) được xem là ngày hội lớn của lý. “Thần điền, Thánh điền” của Thủ Chính là 11 mẫu 5 sào.

Cuối thế kỷ XIX, Thủ Chính có thêm một trại mới An Chính nằm cạnh sông Lân với gần 100 mẫu ruộng đất. Trước đây, việc thờ cúng vẫn theo lệ quê gốc (Thủ Chính), người lương, người giáo ở xen lẫn và chung nghĩa địa, đến đầu thế kỷ XX mới phân tách: giáp lương ở phía Tây, giáp giáo ở phía Đông.

Ấp Hữu Vy lúc mới lập có 32 suất đình. Về sau, khi dân số tăng, trong ấp chia làm 4 giáp. Đình Hữu Vy ngoài việc thờ Thành hoàng (nhật kỵ: 23 tháng 12) còn phối tự Nam Hải Thánh mẫu (nhật kỵ: 10 tháng 3), Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ (nhật kỵ 14 tháng 11) và nguyên mộ Nguyễn Đình Lộc cùng các thứ mộ: Trương Đình Khoa, Trần Đình Độ, đều là người huyện Thư Trì. Ngày giỗ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ được xem là ngày hội chính của ấp. Sau khi tổ chức rước kiệu giao hữu với các làng trong tổng, dân ấp tổ chức nhiều trò chơi: vật, leo cầu ngô, chọi gà, đấm bị, kéo co, móc trái. Trong đình Hữu Vy hiện còn 10 sắc phong, sắc có niên đại sớm nhất là sắc Tự Đức thứ 3 (1850); sắc có niên đại muộn nhất là sắc Khải Định thứ 9 (1924). Cuối thế kỷ XIX trong sinh hoạt tôn giáo ở Hữu Vy có sự tách biệt giữa dân lương và dân giáo. Nhà thờ Hữu Vy được xây dựng vào thời vua Hàm Nghi (năm 1885), ở thời điểm 1915 dân giáo Hữu Vy có 741 người, thuộc giáo xứ Trung Đông. Ở các ấp: Năng Tĩnh, Đông Quách, Hương Tân và các giáp Trung Lập, Tức Tranh cũng thấy có sự biệt lập về thờ cúng.

Khác với các đơn vị trong tổng, ấp Đông Quách tổ chức giỗ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ vào ngày 15 tháng 11. Ở Hương Tân, ngoài địa điểm thờ cúng chính là đình, dân trong ấp còn xây một ngôi chùa khá lớn. Trong chùa hiện còn 6 tấm bia. Bia có niên đại sớm nhất là “Đắc Phật Bi Ký” lập năm Tự Đức thứ 18 (1865).

#### 1.4. Quan hệ tôn giáo giữa những làng thuộc tổng Tân Bồi

Tổng Tân Bồi nằm ở phía Bắc sông Trà Lý, sát với các làng xã của huyện Thanh Quan, phủ Tiên Hưng. Khi thành lập (1828), Tân Bồi có 1 lý, 3 ấp, 3 trại và 2 giáp: lý Tuân Nghĩa, ấp Đông Nhân nay thuộc xã Thái Thành (Thái Thụy); ấp Xuân Hoà, ấp Hanh Thông nay thuộc xã Thái Mỹ (Thái Thụy); trại Thiên Kiều nay thuộc xã Thái Thọ (Thái Thụy); trại Hương Khê, giáp Lũng Tả nay thuộc xã Thái Lộc (Thái Thụy); giáp Tam Đông, nay thuộc xã Vũ Lăng, Tiên Hải.

Về sau, do tiếp tục khẩn hoang, Tân Bồi có thêm một số trại ấp mới như: trại Chỉ Thiện, trại Tân Xuân.

*Về nguồn gốc dân cư:* Dân cư của tổng Tân Bồi chủ yếu là từ các huyện Chân Định phủ Kiến Xương và Thanh Quan phủ Tiên Hưng chuyển đến.

*Về quan hệ xã hội:* Cuối thời Tự Đức, trong các đơn vị lý, ấp, trại, giáp của tổng Tân Bồi thấy xuất hiện việc chia giáp và có khoán ước, tục lệ thành văn. Giáp ở đây cũng được phân chia theo địa vực và dân đinh. Ví dụ, lý Tuân Nghĩa có bề ngang 10 đặc (600 mét) được chia thành 5 giáp, mỗi giáp bề ngang 2 đặc (120 mét). Ấp Hanh Thái được chia thành 3 “giáp lương”, 1 “giáp giáo”. Trại Thiên Kiều chia thành 4 giáp...

Trong các bản khoán ước, tục lệ của các làng có các điều quy định về tế tự, khao vọng, tang, cưới, tổ chức hội, tu bổ đình miếu, canh phòng, đặt “kỵ điền” và “tế điền”.

*Về sinh hoạt tôn giáo:* Tuy không có địa điểm thờ cúng chung như ở tổng Tân Cơ hoặc Tân Định, song ở tổng Tân Bồi đã có những quan hệ cộng đồng tôn giáo ở mức độ khác nhau, như cùng thờ Doanh điền sứ vào một ngày (14 tháng 11), trong các đình có thờ các nguyên mộ. Tuy nhiên, xu hướng biệt lập lại thể hiện ở chỗ “hợp kỵ”, “phối tự” và cách thức tổ chức.

Ở lý Tuân Nghĩa, ngày 14 tháng 11 là ngày “truy ân Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ tiên sinh” nhưng cũng tổ chức “hợp kỵ” viên chiêu mộ Phạm Cương ở phía Tây đình. Còn ngày kỵ viên nguyên mộ Nguyễn Lương lại được tổ chức vào lễ nhập hạ cầu an tháng 4.

Ở giáp Lũng Tả, ngày kỵ Doanh điền sứ tổ chức cùng với lễ cầu phúc ở đình, lễ vật gồm 1 con lợn và 10 bát xôi rươi, hương.

Ở trại Thiên Kiều mức “kỵ điền” dành cho Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ là 1 mẫu và giao cho lý dịch canh trung, “biện lợn, xôi kính tế”.

Ở ấp Hanh Thái, ngày tế Doanh điền sứ lại “bổ 3 giáp; mang xôi, gà ra đình kính tế”.

Ở trại Liên Khê, những lễ tiết chính trong năm thường được tổ chức bằng cách “hội họp chiếu bỏ dân đinh” - mỗi tốp nộp tiền từ 2 đến 4 mạch.

Ở một số nơi khác thì đặt “Tế điền”, “Kỵ điền”, dân “luân thứ canh tác”, hàng năm biện lễ v.v... (5)

Trong sự thờ cúng của dân tổng Tân Bồi thấy có điểm khác với nhiều tổng khác ở chỗ: dân chủ động “Phối tự” ở đình rất nhiều thân, có nơi đến 8-9 vị (kể cả nhân thân, thiên thân). Đình Tuân Nghĩa không chỉ thấy thờ Thân “Khai quốc đại đế” (Triệu Đà), Trình Thị Hoàng hậu, Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ mà còn thờ cả “Thiên quan Tam vị”.

Đình Hanh Thái (sau đổi thành Hanh Thông lương) thờ những vị thần rất xa lạ với cư dân ven biển như: “Kinh thành”, “Hương xa”, “Tha điện”, “Cửa chiền”, “Bản lộ”, “Bến Nhuệ”, “Đỗ công”.

Đình Thiên Kiều cũng thấy có nhiều vị “thần lạ” như “Khoan chính”, “Bạch hoa Thổ tinh”, “Thanh hoa Thổ tinh”, “Long Mạch”...

Ở trại Thanh Khê (mới lập) cũng thấy thờ các thần “Cao Minh”, “Cao Sơn”; Trại Chỉ Thiện, thờ thần “Vô Cực nguyên quân” và “Hồng Lang” v.v... (6)

Ở những tổng còn lại như Tân An, Tân Phong, Tân Hưng sự cộng đồng và sự biệt lập trong sinh hạt tôn giáo cũng có những điểm tương tự với 4 tổng trên.

Nhìn chung, xu hướng thờ riêng (biệt lập) là phổ biến. Ở trại An Cư, giáp Phụ Quách (tổng Tân Hưng, nay thuộc xã Đông Xuyên, huyện Tiên Hải) sau khi phân chia thành thôn Đông, thôn Tây vẫn lấy Đình Tây (đình xây ở phía Tây của làng) làm nơi thờ cúng chung. Các lễ tiết chính trong năm như: ngày 14 tháng 11 kỵ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, ngày 29 tháng 7 kỵ nguyên mộ trại An Cư là Lương Tú Thụ, ngày 14 tháng 8 kỵ nguyên mộ của giáp Phụ Quách là Nguyễn Văn Tăng v.v... cả thôn Đông và Tây cùng tổ chức. Ở thôn Tây “tế điền” 3 mẫu 5 sào; thôn Đông “tế điền” và “kỵ điền” 2 mẫu.

Ở giáp Phụ Quách, có thêm các kỳ tế xuân, tế hạ, tế đông, mỗi giáp để ruộng công 5 sào làm “tế điền”.

Ở ấp Đức Cơ, tổng Tân Phong (nay là xã Đông Cơ huyện Tiên Hải), sau khi chia tách giáp, các giáp xây miếu thờ riêng nhưng vẫn có địa điểm tế chung là đình Đức Cơ. Đình thờ Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ, Trần Hưng Đạo, nguyên mộ Nguyễn Câu và tiên công lập giáp Vụ Đức là Nguyễn Hữu Bản.

Ở Tiên Hải, còn 2 địa điểm thờ được dân nhiều tổng quan tâm, đó là “Đền Quan Trấn” (nay thuộc xã Đông Trà) và đền “Nhà Bà” (nay thuộc xã Đông Minh). Đền Quan Trấn thờ Trấn thủ Nam Định là Lê Mậu Cúc - một viên tướng của vua Minh Mệnh bị nghĩa quân Phan Bá Vành giết chết ở cửa Trà Lý (năm 1856) (7).

Đền Nhà Bà thờ Bà Tống Hậu, nằm ở cạnh cửa Lân, tương truyền do người Thanh dựng nên, được người xưa cho là linh thiêng. Hàng năm cứ đến ngày 12 tháng 3 và ngày mồng 8 tháng 10 (Â.l) có tế lớn, người các nơi đến dự rất đông.

## 2. Nhận xét chung

1. Trong sinh hoạt tôn giáo của các làng khẩn hoang ở Tiên Hải thế kỷ XIX không thấy có hiện tượng *cộng đồng* hoặc *biệt lập triệt để*. Trong cùng một tổng hoặc giữa các làng, có thể có địa điểm thờ cúng chung nhưng bên cạnh đó, mỗi làng lại có những địa điểm thờ cúng riêng (trường hợp các làng của tổng Tân Định, Tân Cơ). Tổng tuy có tham gia vào những ngày tế lễ lớn như: Tế Doanh điền sứ Nguyễn Công Trứ hay tế các vị nguyên mộ, nhưng bản thân lại chưa có quan hệ tôn giáo cộng đồng thống nhất, triệt để. Nhiều làng, thông qua việc phối tự mà tạo nên nếp thờ cúng, đối tượng thờ cúng không giống với các làng khác trong tổng.

Nét nổi bật trong quan hệ tôn giáo giữa các làng xã ở Tiên Hải là ở chỗ: Sự cộng đồng và sự biệt lập về thờ cúng đan cài nhau, bổ sung cho nhau. Tuy nhiên, xu hướng biệt lập về thờ cúng vẫn là chủ yếu và phổ biến.

2. Thực chất của sự biệt lập trong sinh hoạt tôn giáo của các làng xã ở Tiên Hải thế kỷ XIX là thông qua việc tạo địa điểm thờ cúng, chọn đối tượng thờ cúng và cách tổ chức tế lễ v.v.. nhằm tạo ra diện mạo tinh thần, sinh hoạt tôn giáo riêng của làng mình. Cùng với việc xác lập về địa giới hành chính, lập địa bạ và tục lệ, khoán ước riêng, các đơn vị lý, ấp, trại, giáp ở Tiên Hải

thực sự là những đơn vị kinh tế, văn hoá hoàn chỉnh. Song, vì sự biệt lập về thờ cúng có những mức độ khác nhau như chúng tôi đã nêu trên, nên sự khu biệt, tách rời cũng được thể hiện đậm nhạt khác nhau. Do vậy, quan hệ cộng đồng của các làng trong cùng một tổng, một khu vực cũng khác nhau.

3. Thực chất của quan hệ cộng đồng trong sinh hoạt tôn giáo giữa các làng là sự gắn bó liên kết hợp sức cùng nhau khai phá đất hoang lập làng, xây dựng hệ thống thuỷ nông, đắp đê, chống giặc biển v.v... Nhờ có sự cộng đồng đó mà những làng mới lập nằm sát biển có điều kiện phát triển. Mặt khác nó cũng góp phần tạo ra sự ổn định trong đời sống kinh tế, xã hội của dân khai hoang khi xa quê đi tạo dựng cuộc sống mới.

### 3. Kết luận

1. Các làng Việt ven biển đồng bằng Bắc Bộ nói chung và ở Tiền Hải thế kỷ XIX nói riêng, trước tiên có cội nguồn là những đơn vị khẩn hoang mà chủ nhân của nó vốn là cư dân nông nghiệp. Vì vậy, ở các làng khẩn hoang ven biển, từ thiết chế chính trị, xã hội đến các yếu tố văn hóa, tâm lý và tôn giáo, tín ngưỡng đều từng bước được xây dựng hoặc tái lập theo hình mẫu làng nông nghiệp truyền thống. Tuy nhiên, vì là những làng khẩn hoang ven biển, nên vẫn có những nét riêng, biểu hiện ở hình thái cư trú (theo dòng cư dân, dạng bàn cờ...), ở việc hình thành các mối quan hệ trong xóm, ngoài làng và đặc biệt ở trong sinh hoạt tôn giáo, thờ cúng, vừa có tính cộng đồng, vừa có sự biệt lập.

2. Sự biệt lập và tính cộng đồng trong sinh hoạt tôn giáo của các làng khẩn hoang ở Tiền Hải là hai mặt của thể thống nhất. Vì vậy khi xem xét chúng cần xuất phát từ chính bản thân đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội làng xã. Tính cộng đồng vốn bắt nguồn từ truyền thống hợp tác, tương trợ trong sản xuất và chiến đấu. Sự biệt lập khẳng định sự tồn tại của làng xã, biểu hiện tâm lý làng xã, nói lên sức sống và sự sáng tạo của cư dân khẩn hoang trong việc tạo dựng đời sống văn hoá tâm linh của mình.

### Chú thích

1. Đoàn Đình Thi: *Thuỷ nông trong sự nghiệp lấn biển ở huyện Tiền Hải - Thái Bình*. Luận án PTS Khoa học lịch sử, Hà Nội, 1996, tr. 146.
2. Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Bùi Quý Lộ: *Vài nét về tình hình văn hoá tôn giáo, tín ngưỡng ở những làng khai hoang Tiền Hải, Kim Sơn nửa đầu thế kỷ XIX*. Nghiên cứu Lịch sử, số 3/1994, tr. 34-43.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn: *Đại Nam thực lục chính biên*, tập 9. NXb Khoa học, Hà Nội, 1964, tr. 123-124.
4. Bản xã tiên công huân lao bi ký, dựng năm Bảo Đại thứ 2 (1927), đặt tại đình Phong Lạc, xã Đông Trung nay.
5. Tục lệ tổng Tân Bôi (các xã: Tuân Nghĩa, Lũng Tá, Thiên Kiều, Hanh Thái, Liên Khê...). Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu AF a5/43.
6. Xem Thân tích, thân sắc tổng Tân Bôi và tài liệu điền dã.
7. Lê Mậu Cúc người huyện Thuận Xương, tỉnh Quảng Trị. Năm Minh Mệnh thứ 6 (1825) làm Trấn thủ Nam Định. Sau khi Lê Mậu Cúc chết, vua Minh Mệnh đã truy tặng hàm Thống chế, năm Tự Đức thứ 9 (1856) được đưa vào thờ ở đền Trung Nghĩa (Quốc sử quán triều Nguyễn. *Đại Nam chính biên liệt truyện*, nhị tập, quyển 18, NXb Thuận Hoá, Huế, 1993, tr. 337-338).